

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
CỦA HUYỆN KIM SƠN – TỈNH NINH BÌNH

Kim Sơn, tháng 7 năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
CỦA HUYỆN KIM SƠN – TỈNH NINH BÌNH

Ngày ... tháng ... năm ...

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH NINH BÌNH
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của việc lập quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã quy định "*Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả*". Nhà nước giao đất cho các tổ chức và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài".

Cụ thể hoá hiến pháp tại Chương II, mục 2, Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ: "Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất" là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai.

Thực hiện Luật đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014 của chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành thông tư số 29/2014 quy định rõ về nội dung, trình tự các bước lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch các cấp.

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, trong đó quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện là 1 cấp được xây dựng riêng và là căn cứ quan trọng trong công tác giao đất, thu hồi đất thực hiện các công trình dự án trên địa bàn cấp huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh.

Giai đoạn 2011-2020, thực hiện những nội dung về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quy định trong Luật Đất đai và những văn bản hướng dẫn thực hiện dưới Luật, huyện Kim Sơn đã lập Quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm và được UBND tỉnh phê duyệt. Các nội dung của quy hoạch sử dụng đất đã đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên.

Giai đoạn 2021 – 2030, tình hình kinh tế - xã hội của huyện sẽ có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, làm thay đổi nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực, trong khi nguồn tài nguyên đất đai có hạn. Với mục tiêu đến năm 2030, Kim Sơn tập trung phát triển kinh tế theo hướng bền vững; quản lý và khai thác có hiệu quả vùng ven biển; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030, cũng như thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đề ra trong nhiệm kỳ 2020-2025; vì vậy Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn đã tiến hành lập "**Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**". Đây là hành lang pháp lý quan trọng cho việc quản lý và sử dụng đất đai, làm cơ sở cho việc giao, cấp đất, cho thuê đất, thu hồi đất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các dự án đầu tư; xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa các đối tượng sử dụng đất với giữ vững an ninh, chính trị cũng như bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan

trên địa bàn huyện.

Cụ thể hoá quy hoạch sử dụng đất thành kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất thực tế hàng năm của các ngành, các lĩnh vực, các đối tượng sử dụng đất. Như vậy, thực hiện được cụ thể hoá quy trình kế hoạch hoá nền kinh tế và kế hoạch hoá sử dụng đất từ quy hoạch xuống thực hiện kế hoạch hàng năm. Tuy nhiên, trước những biến động thực tế của huyện, công tác lập quy hoạch, kế hoạch cũng có những khó khăn nhất định như nguồn vốn thực hiện công trình, vai trò của người dân trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch... Để thực hiện những vấn đề trên kế hoạch sử dụng đất hàng năm cần được tiếp cận hợp lý hơn, và nâng cao vai trò hơn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

2. Mục đích, yêu cầu của công tác lập quy hoạch sử dụng đất huyện Kim Sơn

- Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai được quy định cụ thể tại điều 22, Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, để thống nhất quản lý nhà nước về đất đai các cấp cần phải lập phương án quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Kim Sơn khi được UBND tỉnh xét duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để quản lý đất đai và là căn cứ để bố trí sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án phát triển vì mục đích công cộng, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế,... Do đó các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân sử dụng đất phải tuân thủ đúng kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

- Mục tiêu cơ bản của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kim Sơn là đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, và các quy hoạch chuyên ngành khác. Đồng thời đảm bảo tính kế thừa của kế hoạch sử dụng đất năm trước, đã và đang thực hiện trên địa bàn Kim Sơn.

3. Căn cứ pháp lý để lập quy hoạch sử dụng đất

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội;
- Luật số 35/2018/QH14 điều chỉnh bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 24 NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết đại hội Đảng bộ ngày 18/8/2020 của Đảng bộ huyện Kim Sơn lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Quy hoạch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030;
- Quy hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện Kim Sơn;
- Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai huyện Kim Sơn giai đoạn 2014 – 2020;

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Huyện Kim Sơn có điều kiện tự nhiên với nhiều thuận lợi, tiềm năng phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, cũng còn khá nhiều những khó khăn mà huyện phải đối mặt để giai đoạn tiếp theo phát triển bền vững nhất.

1. Thuận lợi

- Nằm cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 28km về phía đông nam, có Quốc lộ 10 chạy qua địa bàn huyện và giáp tỉnh Thanh Hóa là một trong những thuận lợi lớn để thúc đẩy giao lưu trao đổi hàng hóa, tiếp thu trao đổi văn hóa, khoa học công nghệ trong giai đoạn tới.

- Với điều kiện địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu tương đối ôn hòa, hệ thống thủy văn dày đặc phân bố khá đều, tài nguyên đất đai phong phú kết hợp với tài nguyên biển đa dạng nên huyện Kim Sơn có thuận lợi lớn để phát triển nông nghiệp như chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản gần bờ.

- Với việc khu vực bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn được công nhận là khu dự trữ sinh quyển, cùng với những di tích lịch sử, di tích văn hóa được công nhận là điều kiện quan trọng để huyện Kim Sơn thúc đẩy phát triển du lịch dịch vụ trong giai đoạn tiếp theo.

2. Khó khăn

- Lượng mưa phân bố không đều giữa các mùa trong năm làm úng ngập, hạn hán cục bộ vẫn còn xảy ra ở một số vùng đã gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến năng suất cây trồng cũng như hiệu quả lao động đặc biệt là trong việc bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

- Nằm trong vành đai ảnh hưởng của các hiện tượng khí hậu cực đoan trong năm như bão, áp thấp nhiệt đới vì vậy hoạt động sản xuất và đời sống của người dân trong huyện chịu nhiều ảnh hưởng.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Giai đoạn 2016 – 2020, kinh tế huyện Kim Sơn luôn đạt mức tăng trưởng

ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,1%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, công tác xây dựng nông thôn mới đạt kết quả khá.

Bảng 1.1: Cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2015-2020

Ngành kinh tế	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nông - Lâm - TS	%	31,07	30,50	26,30	28,90	28,20	30,50
Công nghiệp - XD	%	45,14	45,70	49,90	48,60	49,20	45,70
Thương mại - DV	%	23,79	23,80	23,80	22,50	22,60	23,80
Tổng	%	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Số liệu thống kê, phòng thống kê huyện Kim Sơn

Qua bảng trên có thể thấy được, trong giai đoạn 2015-2020 nền kinh tế của huyện Kim Sơn có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo xu hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, từ năm 2015 đến năm 2020 cơ cấu ngành nông nghiệp giảm từ 31,07% xuống còn 30,50%, cơ cấu ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 45,14% lên 45,70%, cơ cấu ngành thương mại, dịch vụ giảm từ 23,79% xuống còn 23,80%.

Thu nhập bình quân trên đầu người của huyện có xu hướng tăng dần từ 25 triệu/năm (năm 2015) lên 48,9 triệu/năm (năm 2020). Tổng thu ngân sách của huyện luôn vượt tổng chi với số liệu cụ thể được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1.2: Tình hình thu chi ngân sách của huyện Kim Sơn giai đoạn 2015-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
TỔNG THU NS HUYỆN (A+B+C+D)	748.706	818.735	669.950	645.580	748.706	818.735
A. Tổng thu ns nn trên địa bàn	120.886	164.388	277.300	243.310	458.670	528.50
-Thuế quốc doanh ĐP	-	2	-	-	-	2
- Thuế ngoài quốc doanh	29.246	39.577	38.946	34.428	29.246	39.577
- Thuế sử dụng đất NN	26	0	314	250	26	0
- Thuế nhà đất	547	261	467	531	547	261

- Tiền thuê đất	4.610	1982	631	528	4.610	1982
- Phí, lệ phí	1.618	2880	1.613	2.025	1.618	2880
- Tiền sử dụng đất	49.399	81.765	25.266	27.483	49.399	81.765
- Thuế chuyển quyền SDD	-	-	-	-	-	-
- Thu khác	35.442	37.923	1.687	25.532	35.442	37.923
B. Thu trợ cấp ngân sách cấp trên	602.762	621.037	521.953	513.377	602.762	621.037
C. Thu kết dư	2	0	2.797	-	2	0
D. Thu khác	25.054	33.310	76.276	41.427	25.054	33.310
TỔNG CHI NS HUYỆN (I+II+III+IV+V)	724.409	627.336	664.397	664.397	724.409	627.336
I. Chi sự nghiệp kinh tế	18.880	26.152	30.744	14.927	18.880	26.152
II. Chi sự nghiệp giáo dục – y tế - văn hóa	253.114	242.100	220.909	224.467	253.114	242.100
III. Chi quản lý hành chính	86.506	122.919	104.922	107.848	86.506	122.919
IV. Chi ngân sách xã	141.418	201.730	132.733	166.559	141.418	201.730

Nguồn: Số liệu thống kê, phòng thống kê huyện Kim Sơn

2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Năm 2020, Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Huyện ủy “về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 24/6/2016 của Tỉnh ủy về “Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030”.

* Sản xuất nông nghiệp

Năm 2020, nông nghiệp được mùa, năng suất lúa tiếp tục dẫn đầu toàn tỉnh. Toàn huyện gieo cấy 16.333 ha (vụ Đông Xuân: 8.174,7 ha, vụ Mùa 8.158,3 ha); năng suất vụ Đông Xuân đạt 68,24 tạ/ha, sản lượng đạt 55.784 tấn; năng suất vụ Mùa đạt 56 tạ/ha, sản lượng đạt 45.690 tấn.

Bảng 1.3: Một số chỉ tiêu phát triển nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
----------	----------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

1. Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	19.398	19.360				
2. Lao động trong ngành nông nghiệp	Người	52.368	50.866				
2. Số hộ nông thôn nông nghiệp	Hộ	22.614	20.139				
4. Giá trị sản xuất (theo giá ss)	Triệu đồng	1.173.514	1.472.810	1.742.000	1.908.000		
<i>Chia ra</i> : Trồng trọt	„	822.621	837.797				
Chăn nuôi	„	280.061	306.952				
Dịch vụ nông nghiệp	„	70.832	72.532				
5. Sản lượng cây lương thực có hạt	Tấn	105.937	104.470	98.241	103.952	104.267	103.389
<i>Chia ra</i> : Lúa	„	103.010	101.737	95.291			
Ngô	„	2.927	2733	2.950			
6. Số lượng gia súc, gia cầm							
Trâu	Con	1.501	1793			1.537	
Bò	„	2.121	3.183			2.865	
Lợn	„	54.962	129.547			54.423	53.600
Gia cầm	„	686.436	1.182.834			1.119.000	
7. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	7.712	8.295	8.500	8.857	8.125	6.195
<i>Trong đó</i> : Thịt lợn hơi	Tấn	6.305	6.712				4.505
8. Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	18.502	23.897	25.000	26.005		

Nguồn: Số liệu thống kê, phòng thống kê huyện Kim Sơn

- Trồng trọt:

Vụ lúa Đông Xuân 2019 - 2020 được tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch; diện tích lúa Đông Xuân 2019-2020 là 8.174,7ha, trong đó diện tích lúa thuần là 7.550,7 ha, chiếm 92% diện tích, lúa lai là 624ha, chiếm 8% diện tích. Năng suất vụ Đông Xuân 2019-2020 đạt 68,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 55.751 tấn.

Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ yếu trong huyện đều tăng, diện tích đất canh tác được mở rộng, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất. Bình quân hằng năm: Diện tích gieo cấy lúa hạt trên 16.000 ha/năm, năng suất đạt 122,44 tạ/ha, sản lượng lương thực đạt 102.845 tấn (đạt 97,02% mục tiêu); lúa đặc sản chất lượng cao đạt 81.275 tấn (đạt 116,1% so với mục tiêu).

- Chăn Nuôi:

Năm 2020, triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND về hỗ trợ tái đàn lợn, khôi phục sản xuất sau dịch tả lợn Châu phi. Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Dịch cúm gia cầm H5N6. Hướng dẫn các xã, thị trấn tiến hành vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi, thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học để phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Tập trung dập ổ dịch cúm gia cầm H5N6 tại xóm 10 xã Chất Bình và dịch Tả lợn Châu Phi tại xã Yên Lộc. Tổng đàn gia súc giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tổng đàn lợn hiện có 53,6 nghìn con, đàn trâu bò có 3,9 nghìn con.

Năm 2019, đàn trâu có 1.537 con; đàn bò 2.865 con; đàn lợn 54.423; đàn dê có 1.420 con; tổng đàn gia cầm 1.119.000 con. Lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2019 đạt 8.125 tấn. Toàn huyện có 08 mô hình chăn nuôi cho thu nhập từ 500 - 1.000 triệu đồng/năm Toàn huyện có 3 trang trại, 72 gia trại theo mô hình tổng hợp. Tổng trọng lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 8.295 tấn. Trong đó, trọng lượng lợn hơi xuất trường 6.712 tấn.

- Lâm nghiệp:

Sản xuất lâm nghiệp của huyện tiếp tục được duy trì và đạt kết quả tích cực. Năm 2020, toàn huyện đã trồng được 100.000 cây phân tán, đạt 100% kế hoạch đề ra. Cây trồng chủ yếu là cây lấy gỗ như sao đen, xà cừ, keo, bạch đàn và một số loại cây bóng mát. Đôn đốc các hộ nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng và cây phân tán đã trồng.

Riêng năm 2019, toàn huyện đã trồng được 150.000 cây phân tán. Từ năm 2016 đến 2019, trồng mới 69,49 ha rừng ngập mặn; đưa diện tích rừng của toàn huyện hết năm 2019 là 510,81 ha, trong đó: Ban QLR phòng hộ huyện 261,31ha, Bộ chỉ huy QS tỉnh: 15,9ha, Hội chữ thập đỏ tỉnh: 186,4ha, Sở NN&PTNT: 47,2ha. Rừng trồng mới toàn huyện là 40 ha, trong đó Ban QLDA trồng rừng thay thế huyện Kim Sơn: 25ha; Hội chữ thập đỏ tỉnh: 15ha. Rừng chăm sóc năm thứ 3 (trồng năm 2017): 20 ha; chăm sóc năm thứ 2 (năm 2018) là 25ha.

- Thủy sản:

Năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng, thủy hải sản toàn huyện Kim Sơn là

4.128,8ha; thủy hải sản nuôi trồng ước đạt 23.400 tấn). Nuôi trồng thủy, hải sản: tiếp tục phát triển, hướng dẫn các hộ nuôi trồng chăm sóc, phòng chống dịch bệnh, thu hoạch thủy hải sản với tổng lượng đạt 28.000 tấn (trong đó thủy sản khai thác ước đạt 4.600 tấn

Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm tăng, năm 2019 đạt 4.116,60ha, sản lượng 28.000 tấn; sản lượng thủy, hải sản bình quân hàng năm ước đạt 26.581 tấn (đạt 118,13% so với mục tiêu); hết năm 2019 có 15 mô hình nuôi tôm tròn nhà bạt, năng suất 15 tấn/ha; trên 100 mô hình sản xuất hào giống, cho thu nhập khoảng 500 – 2.000 triệu đồng/năm.

Đến nay, phần lớn các ao đầm nuôi trồng thủy sản đều đã được khoanh vùng tập trung, đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào nuôi trồng và mang lại hiệu quả cao; trong đó, ngoài các loại tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm rảo, cua xanh..., nuôi ngao đang phát triển mạnh trên diện tích hàng nghìn ha với sản lượng hàng chục nghìn tấn mỗi năm.

Bảng 1.4: Một số chỉ tiêu phát triển thủy sản giai đoạn 2015-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Triệu đồng	532.271	559.387				
- Khai thác	„	57.399	59.500				
- Nuôi trồng	„	461.519	486.150				
- Dịch vụ	„	13.353	13.737				
2. Sản lượng khai thác	Tấn	4.350	4.572	5.500	4.826		4.600
- Khai thác nước mặn, lợ	Tấn	4.065	4.292	5.200	4.523		
+ Cá	„	2.802	3.005				
+ Tôm	„	355	356				
+ Thủy sản khác	„	908	932				
- Khai thác nước ngọt	Tấn	285	280	300	303		
+ Cá	„	157	177				
+ Tôm	„	26	23				
+ Thủy sản khác	„	102	80				
3. Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	18.502	19.325	19.500	21.179		23.400
- Nước mặn, lợ	Tấn	14.857	15.563	15.700	17.595		

+ Cá	„	230	190				
+ Tôm	„	734	886				
+ Thủy sản khác	„	13.893	14.487				
- Nước ngọt	Tấn	3.645	3.762	3.800	3.584		
+ Cá	„	3.627	3.709				
+ Tôm	„	-	35				
+ Thủy sản khác	„	18	18				

Nguồn: Số liệu thống kê, phòng thống kê huyện Kim Sơn

2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Năm 2020, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện được duy trì và phát triển. Giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2020 (giá so sánh năm 2010) ước đạt 2.355.000 triệu đồng, tăng 175.000 triệu đồng so với năm 2019, tương đương tăng 8%. Hoạt động của các cơ sở trên địa bàn tương đối ổn định, góp phần giải quyết việc làm cho 28.000 lao động. Cụm Công nghiệp Đồng Hướng có 09 doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định tạo công ăn việc làm cho gần 3.000 lao động với mức lương trung bình 6 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay trên địa bàn huyện có 25 làng nghề được UBND tỉnh công nhận.

Năm 2019, giá trị sản xuất CN-TTCN theo giá năm 2010 ước đạt 2.180 triệu đồng, tăng 9,46% so với năm 2018.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện tương đối ổn định và có xu hướng phát triển, các ngành dịch vụ, thương mại và du lịch, hệ thống chợ xã, hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi đang dần phát triển nhất là ở các khu dân cư mới, khu trung tâm xã, thị trấn và các xã bãi ngang ven biển góp phần nâng cao thu nhập của người lao động, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Trên địa bàn huyện hiện nay có 243 doanh nghiệp đang hoạt động, 25 làng nghề truyền thống,..... Riêng Cụm Công nghiệp Đồng Hướng có 5 doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định tạo công ăn việc làm cho gần 3.000 lao động với mức lương trung bình 6 triệu đồng/người/tháng. Doanh thu thuần của các doanh nghiệp này đạt khoảng 750.000 triệu đồng

2.3. Khu vực kinh tế thương mại và dịch vụ

Năm 2020, tổng giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ toàn huyện đạt

1.627 tỷ đồng, tăng 7,68 % so với năm 2019.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong 9 tháng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid 19, đặc biệt là các ngành kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, vận tải ... Tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 23,12 triệu USD

Năm 2019, các ngành dịch vụ bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, vận tải đảm bảo nhu cầu phục vụ đời sống nhân dân.

Các hoạt động dịch vụ phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm ước đạt 7,62%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn hàng năm tăng (năm 2015 đạt 2.557 tỷ đồng, năm 2019 đạt 3.825 tỷ đồng). Các loại hình dịch vụ vận tải, viễn thông, internet, đại lý, nhà hàng,... tiếp tục phát triển ngày càng đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Lượng khách du lịch đến địa bàn ngày càng tăng. Hàng năm, đón khoảng 160.000 lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 15% khách quốc tế (tập trung ở khu vực Nhà thờ đá Phát Diệm, Đền Nguyễn Công Trứ, Chùa Đồng Đắc, khu mộ Cố Chủ tịch nước Trần Đại Quang,...). Giá trị xuất khẩu trên địa bàn bình quân hàng năm ước đạt 21,6 triệu USD (gấp 5 lần so với nhiệm kỳ 2010-2015).

3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

**** Dân số:***

Theo số liệu điều tra dân số, tổng dân số huyện Kim Sơn tính đến đầu năm 2020 là 173.041 người, mật độ dân số trung bình là 802 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,6 %.

**** Lao động, việc làm, thu nhập:***

Trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, vai trò của phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn bao gồm công nghiệp và dịch vụ là rất quan trọng. Sự phát triển đó có tác dụng tạo việc làm cho lao động dư thừa ở nông thôn; phát triển thị trường nông thôn, tăng giá trị gia tăng cho nông nghiệp.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc chương trình phối hợp trong công tác giảm nghèo; tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 là 11,71% đến cuối năm 2020 ước giảm còn 2,88% (bình quân giảm 1,76%/năm – đạt tiêu chuẩn). Số người tham gia các loại bảo hiểm tăng, trong đó BHYT đạt 86% tổng số dân. Công tác dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm được chú trọng, tập trung vào các ngành nghề thiết thực với người học; xuất khẩu lao động được chỉ đạo tích cực, trong 5 năm đã đưa được gần 900 lao động đi làm việc ở nước ngoài, đem lại nguồn thu nhập khá trong nhân dân.

Thu nhập bình quân trên đầu người của huyện Kim Sơn có xu hướng ngày càng tăng; năm 2015 là 25 triệu/ người/năm và tăng lên 48,9 triệu/người/năm vào năm 2020.

Tổng hợp các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện Kim Sơn được thể hiện chi tiết qua bảng dưới đây:

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

*** Thực trạng phát triển đô thị**

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 thị trấn, bao gồm: Thị trấn Phát Diệm và thị trấn Bình Minh là đô thị loại V với tổng diện tích là 983,26 ha. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Ninh Bình đến năm 2030 đã được phê duyệt theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình, huyện Kim Sơn đã lập quy hoạch chung trong đó xác định thị trấn Bình Minh là đô thị loại 5 và sẽ là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Kim Sơn; thị trấn Phát Diệm sẽ trở thành đô thị loại 4 và là thị xã trực thuộc tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2015-2020.

- Thị trấn Bình Minh là đô thị trung tâm của các xã ven biển thuộc khu vực phía nam huyện, có thế mạnh về khai thác nuôi trồng thủy sản và trồng cói. Diện tích toàn thị trấn là 877,92 ha. Trong giai đoạn tới, thực hiện Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh cần tập trung đầu tư, huy động các nguồn lực xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở và một số công trình trụ sở cơ quan như Viện kiểm sát, toà án nhân dân... trong khu hành chính mới, xứng tầm là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Kim Sơn.

- Thị trấn Phát Diệm là đô thị trung tâm của các xã phía Bắc huyện, thuộc khu vực phù sa bồi đắp, đất đai màu mỡ, là vựa lúa của tỉnh với diện tích 105,34 ha. Ngoài ra, còn phát triển nghề thủ công truyền thống là nghề cói. Những năm gần đây, thị trấn Phát Diệm có nhiều bước phát triển, đang tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại; hướng tới trở thành thị xã trong giai đoạn 2015-2020.

*** Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn**

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực. Các tụ điểm dân cư truyền thống (*như thôn, xóm...*) được hình thành tập trung bên cạnh những khu vực có nước và có điều kiện canh tác ở những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Toàn huyện Kim Sơn có 25 xã, đời sống nhân dân nhìn chung còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục.

Hệ thống cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới, mặc dù đã được quan tâm đầu tư song còn nhiều hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp. Hầu hết giao thông trong các khu dân cư đã được cứng hóa 80% nhưng khá bụi về mùa khô gây khó khăn cho việc giao lưu hàng hoá và đi lại của nhân dân.

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, diện tích đất khu dân cư nông thôn huyện Kim Sơn là 936,82 ha. Các khu dân cư cũ ngày càng mở rộng, các khu dân cư mới đã bắt đầu phát triển, nước sinh hoạt đáp ứng được một phần nhu cầu người dân. Tuy nhiên, kiến trúc không gian khu dân cư còn bất hợp lý. Việc xây dựng nhà ở hoàn toàn mang tính tự phát, đảm bảo chất lượng xây dựng, kiến trúc và mỹ quan.

Bình quân đất ở trung bình từ 80 - 95 m²/người. Trong tương lai việc phát triển thêm đất ở để đáp ứng nhu cầu là thực tế khách quan không thể tránh khỏi, nhưng cần phải có sự điều chỉnh hợp lý các khu dân cư hiện có cũng như phải hạn chế tối đa việc lấy đất nông nghiệp vào làm nhà ở nhất là những khu vực ruộng cho năng suất cao. Đây là những vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của huyện.

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

**** Giao thông:***

Hệ thống giao thông huyện Kim Sơn tương đối hoàn chỉnh, bao gồm 2 loại hình: Đường bộ và đường thủy cụ thể như sau:

- Đường bộ:

Mạng lưới đường bộ gồm hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài khoảng 1.021 km, trong đó:

- Đường thủy:

Vận tải đường thủy của huyện Kim Sơn đóng vai trò quan trọng trong lưu thông hàng hóa với tuyến sông Đáy, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật sông cấp 3, chiều rộng tối thiểu 100m, có thể cho tàu 200 tấn chạy qua; tuyến sông Vạc chiều rộng bình quân 40m; tuyến sông Ân cho các thuyền nhỏ bé lưu thông. Hiện nay huyện đang hình thành cầu cảng để bốc xếp vận chuyển hàng hóa tại xã Đồng Hướng, Kim Chính và xã Quang Thiện. Khối lượng hàng hóa được vận chuyển bằng đường thủy hàng năm lên gần 150 nghìn tấn. Phương tiện đường thủy bao gồm thuyền vận tải các loại và xà lan tự hành, tỉnh Ninh Bình đã đầu tư xây dựng khu neo đậu tàu thuyền với quy mô 500 tàu thuyền neo đậu.

Huyện Kim Sơn đã tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công do huyện làm chủ đầu tư như: Đê biển Bình Minh 4; dự án đường Bái Đính – Kim Sơn; đường ngang An Hòa – Xuân Thiện, các dự án giao thông nông thôn, hoàn

thiện công trình đường ra Côn Nôi, cầu Thủ Trung, xã Kim Chính; cầu xóm 9, xã Lai Thành; cầu Duy Hòa, xã Ân Hòa; cầu Đồng Đắc, xã Đồng Hương ...

*** Thủy lợi**

Hệ thống thủy lợi của huyện Kim Sơn tương đối hoàn chỉnh, chủ yếu là tự chảy và tưới tiêu tốt đảm bảo sản xuất cho nhân dân trong huyện. Có hệ thống sông, kênh mương chằng chịt, với ba trục sông chính: sông Đáy, sông Vạc và sông Càn chảy dọc theo huyện. Đây là một trong những địa bàn thoát lũ cho các lưu vực sông trên lãnh thổ tỉnh và đồng bằng sông Hồng.

Trên địa bàn huyện có 608,4km kênh mương, trong đó có 130km kênh cấp I, 11 trạm bơm với 53 máy bơm và 26 cống dưới đê với 155m cửa. Tuy nhiên, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên đã xuất hiện tình trạng hạn hán trên một số vùng gây nhiều khó khăn cho sản xuất như: đầu vụ đông xuân gây hạn hán khoảng 5.000 ha trong đó khu Hữu Vạc khoảng 4.000 ha.

*** Văn hóa, thể thao**

Số làng, thôn, khu phố được công nhận làng văn hoá ngày càng tăng, đến cuối năm 2019 có 86,5% gia đình văn hóa; 92,6% khu dân cư văn hóa; 64% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hoá, đạt 80,8%. Trong những năm qua được sự chỉ đạo của UBND huyện, phòng Văn hóa - Thông tin đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thành công các hoạt động văn hóa xã hội tại huyện. Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe có bước phát triển khá, số người tham gia tập thể thao thường xuyên tăng nhanh. Tỷ lệ người luyện tập TDTT thường xuyên đạt 32,4%. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT duy trì và phát triển sâu rộng trong Nhân dân, cơ quan, đơn vị nhằm thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân, đặc biệt tổ chức các giải chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh và huyện.

Đến nay, toàn huyện có 280/298 khu dân cư tiên tiến (đạt 94%); từ năm 2010 đến nay đã xây dựng mới 12 nhà văn hóa xã, 87 nhà văn hóa xóm, phố, đưa tổng số nhà văn hóa xóm, phố lên 287/298, nhà văn hóa xã, thị trấn là 24/25 (vượt mục tiêu).

*** Giáo dục và đào tạo**

Huyện Kim Sơn luôn tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, ngành học. Hệ thống giáo dục trên địa bàn huyện tương đối hoàn chỉnh với các trường cấp 1, 2, 3 luôn được đầu tư cải tạo, nâng cấp đã và đang đáp ứng tốt cho nhu cầu dạy và học của người dân địa phương.

Toàn huyện có 27/27 xã, thị trấn có trường học được xây dựng kiên cố. 100% các xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn các ngành học, bậc học đạt 100%.

Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn là 71/75 trường, đạt tỷ lệ 86% (mầm non: 24 trường; TH: 26 trường, THCS: 21 trường (TH và THCS 3/3 trường do sáp nhập từ 2 trường TH và THCS đạt chuẩn)

*** Y tế**

Huyện Kim Sơn có đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; toàn huyện đạt 13,95 cán bộ y tế/vạn dân; 100% trạm y tế có bác sỹ; các thôn, khu phố có cán bộ y tế; các xã, thị trấn đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Trung tâm y tế huyện tiếp tục được đầu tư nâng cấp cả về cơ sở vật chất và trang thiết bị. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tích cực. Hiện có 21/23 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Trên địa bàn có 26 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân được cấp phép.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện và các trạm y tế xã được đầu tư theo hướng ngày càng hiện đại. Đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở được nâng cao trình độ chuyên môn và y đức. Công tác y tế dự phòng, an toàn thực phẩm được tăng cường, không có dịch bệnh lây lan diện rộng; riêng những tháng đầu năm 2020, đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.

Các Chương trình mục tiêu về y tế, dân số-kế hoạch hóa gia đình thực hiện có hiệu quả: mức giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm đạt 0,2‰ (đạt mục tiêu), tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) đến năm 2020 giảm còn 11,3% (vượt mục tiêu). Công tác xã hội hóa trong khám, chữa bệnh được đẩy mạnh.

Công tác y tế của huyện Kim Sơn luôn luôn được nâng cao, trong năm 2019 bệnh viện đa khoa huyện đã khám chữa bệnh cho hơn 44.000 lượt người và điều trị nội trú cho 3.974 bệnh nhân.

*** Về quốc phòng – an ninh**

Hoàn thành việc bố trí Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh công an xã. Lực lượng Công an nắm chắc tình hình; tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo; triển khai thực hiện kế hoạch cao điểm tấn công trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh trật tự, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp người điều khiển phương tiện giao thông vi phạm quy định về nồng độ cồn, vi phạm trọng tải và tải trọng phương tiện. Đảm bảo tuyệt đối về an ninh, an toàn trong quá trình diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, Đại hội Đảng bộ huyện Kim Sơn lần thứ XXIV và Đại hội Đảng bộ các xã, thị trấn. Điều tra các vụ án đã khởi tố, xác minh các tin

Lực lượng Quân sự duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chuẩn bị tốt các nội dung, điều kiện giao, nhận quân năm 2020, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao; triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các khâu, các bước trong quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021, phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Tổ chức Lễ đón nhận và tư vấn giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương năm 2020; Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN và cấp chứng chỉ cho các đối tượng.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển

(1) Với vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp biển, hệ thống giao thông đường bộ tương đối hoàn chỉnh, các tuyến đường: quốc lộ 10, tỉnh lộ 480, 480E, 480Đ, 481,... chạy qua, hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi sẽ là điều kiện thuận lợi tạo ra nhiều cơ hội cho huyện trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị và thu hút đầu tư. Phát triển kinh tế của huyện theo hướng đa dạng hóa, kết hợp phát triển cùng với nguồn kinh tế biển.

(2). Với địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú, người dân có nhiều kinh nghiệm thâm canh cây trồng vật nuôi, huyện sẽ có lợi thế phát triển các sản phẩm hàng hóa, nông sản có chất lượng cao. Sản xuất và thâm canh các loại rau sạch, các giống lúa chất lượng cao, xây dựng vùng trồng hoa tập trung, sản xuất thực phẩm an toàn, trang trại chăn nuôi.

(3). Huyện có nguồn nhân lực dồi dào, nhân dân có truyền thống lao động cần cù với tập quán và kinh nghiệm lâu đời về trồng lúa, ngô, các loại cây công nghiệp (lạc, đậu tương, dâu tằm, cói)...đã đạt được trình độ khá cao trong thâm canh và ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Với nguồn lao động này, huyện có khả năng phát triển những ngành sản xuất mới đòi hỏi hàm lượng khoa học công nghệ cao. Nghề tiểu thủ công nghiệp chiếu cói, thảm đay đã và đang phát triển, qua những thăng trầm của thị trường chiếu, cói, con người được thử thách để vươn lên một bước quan trọng đi đến công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

(4). Là mảnh đất “Địa linh, Nhân kiệt”, cảnh quan môi trường hấp dẫn, trong lành, nhân dân cần cù, giữ gìn truyền thống văn hoá, yêu nước, hiếu học, có nhiều nhân tài đã thành danh. Đây là những tiền đề để phát triển ngành du lịch, cảnh quan gắn liền với các truyền thuyết, với lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc...

(5). Hệ thống cơ sở hạ tầng: Giao thông, văn hóa, y tế, giáo dục tương đối hoàn thiện và đang ngày được đầu tư mạnh mẽ sẽ góp phần phục vụ tốt cho sản

xuất nông nghiệp, thủy sản được tăng cường và ứng dụng các kỹ thuật - công nghệ mới vào sản xuất, nhất là trong khâu giống và kỹ thuật canh tác... nên năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi tăng nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

(6). Là huyện đồng bằng ven biển, quỹ đất nông nghiệp phong phú, Kim Sơn có hệ động, thực vật phong phú đặc biệt là thủy sản nước lợ. Vùng biển huyện Kim Sơn có diện tích bãi triều rộng, ngoài ra vùng ven biển còn có nhiều hồ, đầm đây là một điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản xuất khẩu, phát triển nền kinh tế biển.

2.6.2. Hạn chế và thách thức

(1). Địa hình huyện Kim Sơn là vùng trũng của đồng bằng sông Hồng, nơi đón nhận của một số cửa sông như; sông Cà, sông Đáy với cửa thoát lũ của sông Đáy, mặt khác sông Đáy cũng là sông phân lũ của sông Hồng đã tạo nên một chế độ thủy văn phức tạp có nhiều biến động với cường độ lớn.

(2). Là huyện ven biển nên chịu ảnh hưởng từ thiên tai, lũ lụt, hạn hán, rét đậm và sương muối, sương giá ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của sản xuất nông nghiệp và đời sống. Đặc biệt là các xã vùng ven biển, sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi có bão xảy ra. Bên cạnh đó đất đai của các xã này cũng có nguy cơ bị ảnh hưởng nhiễm mặn từ nguồn nước biển xâm nhập sẽ làm thay đổi tính chất đất, gây khó khăn cho công tác sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

(3). Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ giữa các đơn vị trên địa bàn giữa khu thị trấn và các xã gây nhiều khó khăn cho phát triển toàn diện của huyện. Đặc biệt là cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nông lâm nghiệp vẫn còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện.

(4). Chưa phát huy tốt tiềm năng về khai thác và nuôi trồng thủy sản của huyện, nhất là tiềm năng nuôi trồng thủy sản trên biển. Nghề khai thác thủy sản vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, mô hình trang trại chưa được đầu tư nên chưa khai thác hết giá trị tiềm năng của huyện.

(5). Kim Sơn là huyện đồng bằng ven biển tỉnh Ninh Bình, tuy nhiên lại có điểm yếu là địa hình bị chia cắt bởi rất nhiều sông, lạch. Sự chia cắt này làm hạn chế việc giao lưu giữa các vùng trong huyện. Xây dựng và phát triển giao thông đường bộ phải đầu tư xây dựng qua nhiều sông, đòi hỏi vốn lớn, công việc đầu tư khó khăn.

Nhìn chung, các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện Kim Sơn luôn có sự biến động, điều này đã và đang gây nhiều áp lực đến quỹ đất của địa phương. Do đó, cần đẩy mạnh lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để phân bổ quỹ đất kịp thời cho tất cả các ngành trên địa bàn huyện, đáp ứng cho sự phát

triển bền vững trong tương lai.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

*** Xâm nhập mặn do nước biển dâng:**

Những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã gây ra các hiện tượng: Bão, lũ lụt, hạn hán, lũ quét, ngập úng, xói lở đất, xâm nhập mặn ở vùng ven biển..., gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân, trong đó hạn hán, xâm nhập mặn vụ đông xuân là một điển hình. Hiện tượng xâm nhập mặn ở vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn đã lấn sâu vào các cửa sông từ 20 ÷ 25km trên sông Đáy và 10 ÷ 15km trên sông Vạc. Hiện tượng xâm nhập mặn có dấu hiệu gia tăng, nhất là vào giai đoạn đổ ải vụ đông xuân.

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trong những năm qua thời tiết diễn biến phức tạp, vụ đông xuân lượng mưa ít, dòng chảy suy kiệt dẫn đến mực nước trên các sông đều thấp, độ mặn cao, ranh giới xâm nhập mặn vào sâu trong sông nội địa. Kết hợp điều tiết hồ chứa thủy điện thượng lưu khi cần thiết khiến cho việc sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi và xây dựng mới các công trình ngăn mặn trở nên hết sức cần thiết.

Những năm gần đây, mặc dù đã được Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các công trình tưới, tiêu. Tuy nhiên vẫn còn nhiều công trình được xây dựng đã lâu, hiện nay đều xuống cấp, năng lực phục vụ giảm. Các công trình ngăn mặn giữ ngọt cũng đã xuống cấp, công trình kênh mương dẫn nước tưới bị hư hỏng, gây tổn thất nước khi tưới. Các trục kênh, cửa cống lấy nước bị bồi lắng chưa được đầu tư nạo vét. Ngoài ra, do ý thức của một số hộ dân ở các địa phương chưa cao trong việc tưới tiêu tiết kiệm nước, gây lãng phí nguồn nước hoặc vứt rác thải làm ô nhiễm nguồn nước tưới. Cho đến nay, lũ lụt không gây thiệt hại lớn hoặc làm suy giảm các giá trị văn hóa và tự nhiên trong khu ven biển Kim Sơn nhưng vẫn tồn tại nhiều nguy cơ tiềm ẩn lớn. Mặc dù vậy, việc xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu cho ngành di sản là cần thiết và cấp bách.

*** Ngập lụt do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:**

Đối với hiện tượng ngập lụt do mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng do BĐKH được xác định theo các Kịch bản Biến đổi khí hậu và Nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016. Trong báo cáo này sử dụng số liệu dự báo từ kịch bản RCP6.0 (kịch bản tầm

trung-B2) cho khu vực từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang để mô hình hóa dự báo ngập lụt ven biển cho tỉnh Ninh Bình.

Giá trị của mực nước biển dâng theo các kịch bản BĐKH được trình bày trong Bảng 1. Phương án cực đoan nhất cũng được mô phỏng là trường hợp nước biển dâng do biến đổi khí hậu kết hợp với nước dâng do bão lớn nhất có thể xảy ra tại khu vực theo các chu kỳ dự báo.

Bảng 1. Các kịch bản nước biển dâng cho khu vực đèo Hòn Dấu- Đèo Ngang

Kịch bản	Năm							
	2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
RCP8.5	13	18	25	32	40	50	60	72
RCP6.0	12	16	21	27	33	39	46	54
RCP4.5	13	17	22	27	33	39	46	53
RCP2.6	13	17	21	25	30	34	39	44

(Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016)

Bản đồ nguy cơ ngập cho các trường hợp chỉ xét tới nước biển dâng do biến đổi khí hậu được thể hiện trên hình 2 đến hình 4 với diện tích ngập được ước lượng trong

Bảng 2.

Kết quả tính toán cho thấy, theo các chu kỳ diện tích ngập lụt vùng ven biển Ninh Bình tăng dần theo mức tăng của mực nước biển dâng do BĐKH. Đến năm 2030 diện tích ngập lụt là 117 ha, năm 2040 là 140,8 ha, đến năm 2050 là 166,8 ha, đến năm 2070 là 232,3 ha và đến năm 2100 là 351 ha.

Bảng 2. Diện tích ngập lụt do nước biển dâng ở ven biển tỉnh Ninh Bình

STT	Năm	Diện tích ngập lụt do NBD (ha)		
		Vùng ven biển	Cồn Nổi	Tổng
1	2030	106.4	10.6	117.0
2	2040	127.6	13.2	140.8
3	2050	150.8	16.0	166.8
4	2070	210.2	22.1	232.3
5	2100	319.7	31.3	351.0

(Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016)

Với trường hợp xét đến đồng thời ngập do nước dâng do bão (NDDDB) và nước dâng do biến đổi khí hậu (NBD), bản đồ nguy cơ ngập thể hiện trên các hình từ hình 2 đến hình 4 với diện tích ngập được ước lượng như trên Bảng 3. Kết quả cho thấy khi xem xét ảnh hưởng đồng thời của NBD và NDDDB đến ngập lụt, hầu như toàn bộ vùng ven biển Ninh Bình bị ngập lụt, khu vực Cồn Nổi bị ngập 100%. Tính đến năm 2030 diện tích ngập lụt là 914,6 ha, năm 2040 là 917,0 ha, đến năm 2050 là 920,1 ha, đến năm 2070 là 927,6 ha và đến năm 2100 là 941,1 ha.

Bảng 3. Diện tích ngập lụt do nước biển dâng và nước dâng do bão ở ven biển tỉnh Ninh Bình

Năm	Diện tích ngập lụt (ha) do nước biển dâng và nước dâng do bão		
	Vùng ven biển	Cồn Nổi	Tổng
2030	824.5	90.1	914.6
2040	826.9	90.1	917.0
2050	830	90.1	920.1
2070	837.5	90.1	927.6
2100	851	90.1	941.1

3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn nằm ở điểm đỉnh phía Đông Nam của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Là nơi đón nhận lưu lượng nước phù sa chứa nhiều bùn cát và trầm tích của sông Đáy, sông Càn để bồi đắp, mở rộng thêm vùng bãi bồi ven biển.

Theo kết quả nghiên cứu “Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lý trong đánh giá diễn biến bãi bồi ven biển cửa Đáy qua các thời kỳ (1966-

2011) của Đào Đình Sâm và những người khác cho thấy: trong thời gian từ năm 1966 - 2011, vùng ven biển cửa Đáy phát triển liên tục về phía biển với tốc độ nhanh, tốc độ bồi ngang lớn nhất đại từ 89,7 đến 102,3 m/năm, tốc độ bồi trung bình đạt 30,1 đến 55,7 m/năm. Trong đó diện tích bồi khu vực ven biển Kim sơn là 3097,5 ha tương ứng với tốc độ bồi trung bình là 56,3 ha/năm.

Phần II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Kết quả đạt được

Cơ bản 15 nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai được thực hiện đầy đủ, góp phần quan trọng trong việc ổn định và khai thác hiệu quả quỹ đất của huyện. Một số kết quả đạt được chính trong giai đoạn vừa qua như sau:

- Trong giai đoạn 2011-2020, công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện Kim Sơn đã đạt được những thành tích nhất định góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác quản lý đất đai nói riêng, góp phần quan trọng trong việc ổn định và phát triển của huyện.

- Các hoạt động về quản lý đất đai ngày càng theo đúng các quy định của pháp luật cụ thể công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất thu hồi đất...

- Công tác quản lý đất đai ngày càng hiệu quả cụ thể như nhiều vùng đất được chuyển đổi theo hướng nâng cao hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nhiều mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu, nhiều điểm sản xuất phi nông nghiệp hình thành.

- Công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai thực hiện tốt.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập đúng quy định và là cơ sở quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Góp phần quan trọng trong việc tạo vốn đầu tư lớn trong huyện thông qua việc đấu giá đất trong huyện.

2. Những tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những kết quả là được tạo đà cho sự phát triển của giai đoạn sau, thì trong giai đoạn 2011-2020 cũng còn những tồn tại nhất định sau:

- Công tác Quản lý nhà nước về đất đai rất phức tạp, có tính kế thừa. Thực tế trong giai đoạn vừa qua còn nhiều tồn tại của giai đoạn trước cần giải quyết như tình trạng cấp đất, bán đất dưới cơ sở do tồn tại từ những năm trước. Như vậy, cần phải có những cơ chế, văn bản quy định của UBND cấp trên để xử lý những tồn tại này.

- Giá đất trên thị trường thường xuyên, trong khi đó bảng giá đất của Nhà nước ít thay đổi. Đây là một trong những nguyên nhân làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình dự án.

- Sự phát triển của xã hội theo cơ chế thị trường rất mạnh gây áp lực lớn với sử dụng đất. Trong khi đó pháp luật lại quy định khá cứng nhắc, do vậy nhiều khi cũng có vướng mắc giữa doanh nghiệp, người dân và nhà nước.

- Về phía người dân cũng còn nhiều hạn chế cho dù đã được cung cấp, tuyên truyền vận động thường xuyên. Nguyên nhân cơ bản là chính sách về đất đai còn nhiều, rườm rà người dân không hiểu hết.

- Cơ quan chuyên môn cũng còn những hạn chế nhất định như công nghệ thông tin, đội ngũ trong khi yêu cầu đòi hỏi rất lớn.

- Về cơ sở vật chất còn hạn chế so với nhu cầu của công việc đòi hỏi như cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý trực tuyến...

II. SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên huyện Kim Sơn tính đến ngày 31/12/2020 là 21.571,36 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm 64,32%, đất phi nông nghiệp chiếm 27,38%, đất chưa sử dụng chiếm 8,29%. Chi tiết các loại đất được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1.6: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Kim Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		21571.36	100.00
1	Đất nông nghiệp	NNP	13875.57	64.32
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8202.38	38.02
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	8200.62	38.02
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	105.45	0.49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1192.19	5.53
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	475.86	2.21
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0.00	0.00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0.00	0.00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3899.01	18.07
1.8	Đất làm muối	LMU	0.00	0.00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0.68	0.00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5906.80	27.38
2.1	Đất quốc phòng	CQP	211.89	0.98
2.2	Đất an ninh	CAN	3.51	0.02

2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0.00	0.00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0.00	0.00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	33.52	0.16
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30.48	0.14
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17.13	0.08
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0.00	0.00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2652.45	12.30
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	1404.36	6.51
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	1124.88	5.21
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	2.59	0.01
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	0.60	0.00
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	23.40	0.11
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	8.55	0.04
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	DGD	62.83	0.29
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	DTT	20.12	0.09
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	DKH	0.00	0.00
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	0.00	0.00
	<i>Đất chợ</i>	DCH	5.12	0.02
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0.00	0.00
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0.00	0.00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1.17	0.01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	968.12	4.49
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	61.75	0.29
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21.99	0.10
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.09	0.00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0.00	0.00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	67.68	0.31
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	316.48	1.47
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	50.49	0.23
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0.00	0.00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0.90	0.00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20.72	0.10

2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1448.39	6.71
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0.00	0.00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.04	0.00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1788.99	8.29

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Sơn

a. Đất nông nghiệp

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích hiện trạng đất nông nghiệp của huyện Kim Sơn là 13.875,57 ha, chiếm 64,32 % tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết các loại đất, cụ thể như sau:

* *Đất trồng lúa*: Diện tích đất cho mục đích này là 8.202,38 ha, chiếm 64,32% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 8.200,62 ha, chiếm 38,02% tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất trồng cây hàng năm khác*: Diện tích là 105,45 ha, chiếm 0,49% tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất trồng cây lâu năm*: Diện tích là 1.192,19 ha, chiếm 5,53 % tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất rừng phòng hộ*: Diện tích là 475,86 ha, chiếm 2,21 % tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích là 3.899,01 ha, chiếm 18,07% tổng diện tích tự nhiên. Việc sử dụng đất này ngày càng hiệu quả do chuyển đổi các loại nuôi trồng thủy sản có giá trị cao.

* *Đất nông nghiệp khác*: Diện tích là 0,68 ha.

b. Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 5.906,80 ha, chiếm 27,38% tổng diện tích tự nhiên. Sự phát triển của kinh tế cùng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân đòi hỏi trong thời gian tới cần quy hoạch quỹ đất cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể các như sau:

* *Đất quốc phòng*: Diện tích là 211,89 ha, chiếm 0,98% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích này được sử dụng theo quy định của bộ quốc phòng.

* *Đất an ninh*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 3,51 ha, chiếm 0,02 % tổng diện tích tự nhiên. Diện tích này được sử dụng theo quy định của ngành công an và theo quy định của luật đất đai.

* *Đất cụm công nghiệp*: Diện tích là 33,52 ha, chiếm 0,16 % tổng diện tích tự nhiên. Diện tích loại đất này có xu hướng tăng mạnh trong thời gian tới.

* *Đất thương mại, dịch vụ*: Diện tích là 30,48 ha, chiếm 0,14 % tổng diện

tích tự nhiên. Diện tích này được sử dụng nhằm xây dựng các cơ sở hoạt động kinh doanh, thương mại góp phần đem lại hiệu quả kinh tế tế cao. Trong tương lai loại đất này có xu hướng tăng mạnh cùng với sự chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế.

* *Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp*: Diện tích là 17,13 ha, chiếm 0,08 % tổng diện tích tự nhiên. Đây là diện tích phát triển các đơn vị, xí nghiệp, công ty sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện.

* *Đất phát triển hạ tầng*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 2.652,45 ha, chiếm 12,30 % tổng diện tích tự nhiên. Bao gồm diện tích đất để xây dựng các công trình công cộng như: Giao thông, thủy lợi, năng lượng, văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, chợ... phục vụ nhân dân. Cùng với sự phát triển kinh tế và nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong huyện, trong giai đoạn tới cần dành phần lớn diện tích để xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội. Đặc biệt cần phát triển hệ thống giao thông là tiền đề cho sự phát triển.

* *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Diện tích là 1,17 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích này được phân bố tại hầu hết các xã. Tuy nhiên, chưa có khu xử lý rác thải lớn để sau khi thu gom cần xử lý ngay không làm ảnh hưởng đến môi trường.

* *Đất ở nông thôn*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 936,12 ha, chiếm 4,4 % tổng diện tích đất tự nhiên, là diện tích đất ở của 25 xã trên địa bàn huyện. Diện tích này ngày càng tăng do dân số tăng, nhu cầu tách hộ.

* *Đất ở đô thị*: Diện tích là 61,75 ha, chiếm 0,28 % tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm toàn bộ diện tích đất ở trên địa bàn thị trấn Phát Diệm và Thị Trấn Bình Minh

* *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 21,99 ha, chiếm 0,10% tổng diện tích tự nhiên. Nhu cầu đất cho mục đích này sẽ tăng trong thời gian tới do mở rộng và xây mới các trụ sở cơ quan đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Nhà nước.

* *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Diện tích là 0,09 ha, được phân bố tại hầu hết các xã và 2 thị trấn Phát Diệm, Bình Minh.

* *Đất cơ sở tôn giáo*: Diện tích là 67,68 ha, chiếm 0,31% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích này được phân bố tại hầu hết các xã trong huyện.

* *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Diện tích là 316,48 ha, chiếm 1,47% tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 52,49 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*: Diện tích là 0,9 ha. Đã có những đầu tư nhất định vào loại đất này. Trong thời gian tới cần có những kế hoạch tiếp tục mở rộng diện tích nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

* *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Diện tích là 20,72 ha, chiếm 0,10% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích này được phân bố tại hầu hết các xã trong huyện.

* *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Diện tích là 1.448,39 ha, chiếm 6,71% tổng diện tích tự nhiên.

* *Đất phi nông nghiệp khác*: Diện tích đất cho mục đích đất này là 0,04 ha.

c. Đất chưa sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng 1.788,99 ha, chiếm 8,29% tổng diện tích tự nhiên. Trong giai đoạn tới, diện tích này sẽ được khai thác đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của huyện.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

Biến động đất đai thể hiện quy luật chuyển đổi đất đai, qua đó thấy được xu hướng biến động của tương lai. Kết quả biến động đất đai giai đoạn 2011-2020 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3: Biến động đất đai giai đoạn 2010-2020

Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2010		Hiện trạng năm 2020		So sánh biến động: Tăng (+), Giảm (-)
	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	
Tổng diện tích	21423.60	100.00	21571.36	100.00	147.76
Đất nông nghiệp	13380.53	62.46	13875.57	64.32	495.04
Đất trồng lúa	8358.01	39.01	8202.38	38.02	-155.63
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	7846.40	36.63	8200.62	38.02	354.22
Đất trồng cây hàng năm khác	309.64	1.45	105.45	0.49	-204.19
Đất trồng cây lâu năm	870.69	4.06	1192.19	5.53	321.50
Đất rừng phòng hộ	685.51	3.20	475.86	2.21	-209.65
Đất rừng đặc dụng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất rừng sản xuất	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất nuôi trồng thủy sản	3156.68	14.73	3899.01	18.07	742.33
Đất làm muối	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất nông nghiệp khác		0.00	0.68	0.00	0.68

Đất phi nông nghiệp	5829.00	27.21	5906.80	27.38	77.80
Đất quốc phòng	37.96	0.18	211.89	0.98	173.93
Đất an ninh	0.42	0.00	3.51	0.02	3.09
Đất khu công nghiệp	87.66	0.41	0.00	0.00	-87.66
Đất khu chế xuất		0.00	0.00	0.00	0.00
Đất cụm công nghiệp		0.00	33.52	0.16	33.52
Đất thương mại, dịch vụ		0.00	30.48	0.14	30.48
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	133.68	0.62	17.13	0.08	-116.55
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3076.05	14.36	2652.45	12.30	-423.60
<i>Đất giao thông</i>			1404.36	6.51	1404.36
<i>Đất thủy lợi</i>			1124.88	5.21	1124.88
<i>Đất công trình năng lượng</i>			2.59	0.01	2.59
<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>			0.60	0.00	0.60
<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	6.60	0.03	23.40	0.11	16.80
<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	6.60	0.03	8.55	0.04	1.95
<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	58.54	0.27	62.83	0.29	4.29
<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	12.61	0.06	20.12	0.09	7.51
<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>			0.00	0.00	0.00
<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>			0.00	0.00	0.00
<i>Đất chợ</i>			5.12	0.02	5.12
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0.40	0.00	0.00	0.00	-0.40
Đất danh lam thắng cảnh	4.90	0.02	0.00	0.00	-4.90
Đất bãi thải, xử lý chất thải	0.00	0.00	1.17	0.01	1.17
Đất ở tại nông thôn	887.74	4.14	968.12	4.49	80.38
Đất ở tại đô thị	59.96	0.28	61.75	0.29	1.79
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14.15	0.07	21.99	0.10	7.84
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		0.00	0.09	0.00	0.09
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao		0.00	0.00	0.00	0.00
Đất cơ sở tôn giáo	66.17	0.31	67.68	0.31	1.51
Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	317.38	1.48	316.48	1.47	-0.90
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	53.38	0.25	50.49	0.23	-2.89

Đất sinh hoạt cộng đồng		0.00	0.00	0.00	0.00
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng		0.00	0.90	0.00	0.90
Đất cơ sở tín ngưỡng		0.00	20.72	0.10	20.72
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	973.01	4.54	1448.39	6.71	475.38
Đất có mặt nước chuyên dùng	116.14	0.54	0.00	0.00	-116.14
Đất phi nông nghiệp khác		0.00	0.04	0.00	0.04
Đất chưa sử dụng	2214.07	10.33	1788.99	8.29	-425.08

a. Biến động đất nông nghiệp

Qua bảng trên cho thấy, tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện năm 2020 là 13.875,57 ha, tăng 495,04 ha so với năm 2010, chi tiết như sau:

- *Đất trồng lúa*: Năm 2020, đất trồng lúa huyện Kim Sơn giảm 155,63 ha so với năm 2010.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: Giảm 204,59 ha so với năm 2010.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Tăng 321,50 ha so với năm 2010.

- *Đất rừng phòng hộ*: Giảm 209,65 ha so với năm 2010.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Năm 2020 tăng 742,33 ha so với năm 2010.

- *Đất nông nghiệp khác*: Tăng 0,68 ha so với năm 2010.

b. Biến động đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện năm 2020 là 5.906,80 ha, tăng 77,80 ha so với năm 2010, chi tiết như sau:

- *Đất quốc phòng*: Tăng 173,93 ha so với năm 2010

- *Đất an ninh*: Tăng 3,09 ha so với năm 2010.

- *Đất cụm công nghiệp*: Tăng 33,52 ha so với năm 2010

- *Đất thương mại, dịch vụ*: Tăng 30,48 ha so với năm 2010

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Giảm 116,55 ha so với năm 2010

- *Đất phát triển hạ tầng*: Giảm 423,60 ha so với năm 2010

- *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Giảm 0,40 ha so với năm 2010

- *Đất danh lam thắng cảnh*: Giảm 4,90 ha so với năm 2010

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Tăng 1,17 ha so với năm 2010.

- *Đất ở nông thôn*: Tăng 80,38 ha so với năm 2010

- *Đất ở đô thị*: Tăng 1,79 ha so với năm 2010

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Tăng 7,84 ha so với năm 2010.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Tăng 0,09 ha so với năm

2010, biến động này do sai số từ hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp thống kê đất đai của 2 giai đoạn là khác nhau.

- *Đất cơ sở tôn giáo*: Tăng 0,76 ha so với năm 2010

- *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Giảm 0,90 ha so với năm 2010, phần diện tích tăng này do thay đổi chỉ tiêu thống kê, phương pháp thống kê đất đai của 2 giai đoạn 2010, 2020 là khác nhau dẫn tới.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Giảm 2,89 ha so với năm 2010, biến động này do sai số từ hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp thống kê đất đai của 2 giai đoạn là khác nhau.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*: Tăng 0,90 ha so với năm 2010, phần diện tích tăng do năm 2020, huyện có thực hiện 01 công trình dự án tại xã Thượng Kiệm.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Tăng 20,72 ha so với năm 2010

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Tăng 476,56 ha so với năm 2010, biến động này do thay đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê đất đai, phương pháp thống kê đất đai của bộ Tài nguyên và Môi trường ở hai giai đoạn khác nhau.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Giảm 116,14 ha so với năm 2010, biến động này do thay đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê đất đai, phương pháp thống kê đất đai của bộ Tài nguyên và Môi trường ở hai giai đoạn khác nhau.

- *Đất phi nông nghiệp khác*: Tăng 0,04 ha so với năm 2010, biến động này do thay đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê đất đai, phương pháp thống kê đất đai của bộ Tài nguyên và Môi trường ở hai giai đoạn khác nhau.

c. Biến động đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Kim Sơn trong 10 năm từ năm 2010 đến năm 2020 giảm 425,08 ha, phần diện tích giảm này do trong giai đoạn trên, diện tích đất chưa sử dụng được chuyển đổi sang xây dựng các công trình hạ tầng, công trình phi nông nghiệp, do khai thác chuyển vào mục đích sản xuất nông nghiệp... Đây là hướng khai thác, sử dụng đất đem lại hiệu quả và cần được tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới nhằm khai thác tối đa nguồn tài nguyên đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng nhằm nâng cao giá trị sử dụng đất của huyện.

2.3. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

Trong quá trình sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 có một số tồn tại cần khắc phục trong tương lai như sau:

- Tình trạng suy thoái về chất lượng: Trong quá trình sử dụng đất do nhu

cầu hàng hoá và tăng năng suất cây trồng mà người sử dụng đất đã thực hiện việc trồng luân canh nhiều vụ thường là 2-3 vụ/năm. Như vậy, đất đai của huyện không có thời gian nghỉ, phơi ải không được thực hiện, phù sa không còn được bồi hàng năm do điều kiện nguồn nước. Một nguyên nhân nữa là người dân bỏ dần thói quen sử dụng phân hữu cơ, tăng phân vô cơ, sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật đây là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến suy thoái đất.

- Vấn đề manh mún đất: Trong quá trình sử dụng đất, nhiều khu vực đã thay đổi bề mặt như đào ao thả cá, xây nhà trông coi, cải tạo trồng cây lâu năm trên nền đất canh tác. Bên cạnh đó, với nguyên tắc là đồng đều diện tích trên đầu người làm cho đất đai manh mún. Quá trình dồn điền đổi thửa diễn ra nhưng rất khó để tối ưu, gây cản trở cho việc hành thành các vùng sản xuất lớn.

- Ô nhiễm đất: nhiều nguyên nhân gây ra cụ thể như đất các khu nhà máy, điểm sản xuất phi nông nghiệp, làng nghề thải ra nhiều chất ô nhiễm đó là nước thải, chất thải rắn, khí thải... Chăn nuôi cũng là nguồn gây ra ô nhiễm, nhất là các khu chăn nuôi trong khu dân cư ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp cũng là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm đất.

- Diện tích đất nông nghiệp giảm: xu thế tất yếu là công nghiệp hoá và đô thị hoá dẫn đến diện tích đất nông nghiệp giảm, hiện nay cũng ảnh hưởng đến một bộ phận dân cư không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp.

- Sản phẩm nông nghiệp bị ô nhiễm: đây là vấn đề lớn không chỉ của huyện Kim Sơn mà của toàn thế giới. Vấn đề này ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và sự tồn tại của nòi giống.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Quy hoạch sử dụng đất huyện Kim Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình. Theo đó, các công trình quy hoạch đã được đưa vào triển khai tổ chức thực hiện theo tiến độ đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do tác động của nhiều yếu tố như: thiếu nguồn vốn đầu tư, do biến động tăng trưởng kinh tế, áp lực gia tăng dân số... dẫn đến một số công trình nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt nhưng không được thực hiện, hoặc có những công trình đã được thực, hiện phát sinh mới nhưng lại nằm ngoài quy hoạch... Do đó, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện Kim Sơn giai đoạn 2010-2020 còn một số chỉ tiêu chưa đạt tiêu chí đề ra.

Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 của huyện được thể hiện chi tiết qua bảng dưới đây:

Bảng 1.7: Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu	Mã	Kết quả thực hiện			
			Diện tích được duyệt đến năm 2020 (ha)	Diện tích thực hiện đến 31/12/2015	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DTTN		21571.37	21571.36	-0.01	100.00
1	Đất nông nghiệp	NNP	14083.84	13875.57	-208.27	98.52
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7513.65	8202.38	688.73	109.17
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7502.95</i>	<i>8200.62</i>	<i>697.67</i>	<i>109.30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	192.32	105.45	-86.87	54.83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1245.81	1192.19	-53.62	95.70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	909.58	475.86	-433.72	52.32
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0.00	0.00	0.00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0.00	0.00	0.00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4200.17	3899.01	-301.16	92.83
1.8	Đất làm muối	LMU	0.00	0.00	0.00	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	22.31	0.68	-21.63	3.05
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7079.74	5906.80	-1172.94	83.43
2.1	Đất quốc phòng	CQP	220.27	211.89	-8.38	96.20
2.2	Đất an ninh	CAN	10.58	3.51	-7.07	33.18
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	200.00	0.00	-200.00	0.00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0.00	0.00	0.00	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	67.12	33.52	-33.60	49.94
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	100.82	30.48	-70.34	30.23
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	232.03	17.13	-214.90	7.38
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0.00	0.00	0.00	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3004.63	2652.45	-352.18	88.28
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0.00	0.00	0.00	

2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0.00	0.00	0.00	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12.92	1.17	-11.75	9.06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1142.98	968.12	-174.86	84.70
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79.80	61.75	-18.05	77.38
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	27.76	21.99	-5.77	79.21
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.09	0.09	0.00	100.00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0.00	0.00	0.00	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	77.34	67.68	-9.66	87.51
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	322.23	316.48	-5.75	98.22
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	52.27	50.49	-1.78	96.59
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	39.55	0.00	-39.55	0.00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6.16	0.90	-5.26	14.61
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20.98	20.72	-0.26	98.76
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1413.87	1448.39	34.52	102.44
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	48.30	0.00	-48.30	0.00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.04	0.04	0.00	100.00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	407.79	1788.99	1381.20	438.70

Qua bảng trên cho thấy, chỉ tiêu tổng diện tích tự nhiên năm 2020 của huyện theo quy hoạch được phê duyệt là 21.571,36 ha; chỉ tiêu hiện trạng năm 2020 là 21.571,37 ha, giảm 0,01 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân là do chênh lệch giữa kết quả kiểm kê đất đai năm 2020 so với số liệu kiểm kê đất đai năm 2015.

Việc giảm tổng diện tích tự nhiên nói riêng và biến động các chỉ tiêu sử dụng đất nói chung, nhất là các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp (đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất phát triển hạ tầng,...) do sai lệch số liệu thống kê, kiểm kê đất đai có ảnh hưởng lớn đến việc đánh giá, so sánh các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã. Các nguồn dữ liệu đầu vào khác nhau sẽ dẫn tới các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thiếu tính nhất quán và đồng bộ.

4.1.1. Đất nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp của huyện là 14.083,84 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là

13.875,57 ha, thấp hơn 208,27 ha, đạt 98,52 % chỉ tiêu đề ra. Trong đó:

a. Đất trồng lúa:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất trồng lúa của huyện là 8.202,38 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 7.513,65 ha, cao hơn 688,73 ha, đạt 109,17 % so với chỉ tiêu đề ra. Kết quả này cho thấy huyện Kim Sơn đã thực hiện khá tốt việc đảm bảo giữ gìn diện tích đất trồng lúa theo phân khai của tỉnh.

b. Đất trồng cây hàng năm khác:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện là 192,32 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 105,45 ha, thấp hơn 86,87 ha, đạt 54,83 % so với chỉ tiêu đề ra.

c. Đất trồng cây lâu năm:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện là 1245,81 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 1.192,19 ha, Thấp hơn 53,62 ha, đạt 95,70 % so với chỉ tiêu đề ra.

d. Đất rừng phòng hộ:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 909,58 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 475,86 ha, thấp hơn 433,72 ha, đạt 52,32 % so với chỉ tiêu đề ra.

f. Đất nuôi trồng thủy sản:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 4.200,17 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 3.899,01 ha, thấp hơn 301,16 ha, đạt 92,83 % so với chỉ tiêu đề ra.

g. Đất nông nghiệp khác:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện là 22,31 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 0,68 ha, thấp hơn 21,63 ha so với chỉ tiêu đề ra. Đây là chỉ tiêu sử dụng đất có tỷ lệ đạt quy hoạch thấp nhất trong nhóm đất nông nghiệp với 3,05%.

4.1.2. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020 của huyện Kim Sơn là 7.079,74 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 5.906,84 ha, thấp hơn 1.172,94 ha, đạt 83,43 % so với chỉ tiêu đề ra. Chi tiết kết quả thực hiện các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

a. Đất quốc phòng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất quốc phòng của

huyện là 220,27 ha. Trong khi đó, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 211,89 ha, thấp hơn 8,38 ha, đạt 96,20% so với chỉ tiêu đề ra.

b. Đất an ninh:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất an ninh của huyện là 10,58 ha. Trong khi đó, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 3,51 ha, thấp hơn 7,07 ha, đạt 33,18% so với chỉ tiêu đề ra.

c. Đất khu công nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất khu công nghiệp của huyện là 200,00 ha. Trong khi đó, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 0,00 ha, thấp hơn 200,00 ha, không đạt chỉ tiêu đề ra.

d. Đất cụm công nghiệp:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện là 67,12 ha. Trong khi đó, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 33,52 ha, thấp hơn 33,60 ha, đạt 49,94% so với chỉ tiêu đề ra.

e. Đất thương mại, dịch vụ:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện là 100,82 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 30,48 ha, thấp hơn 70,34 ha, đạt 30,23% so với chỉ tiêu đề ra.

f. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của huyện là 232,03 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 17,13 ha, thấp hơn 214,90 ha, chỉ đạt 7,38 % so với chỉ tiêu đề ra.

g. Đất phát triển hạ tầng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất cơ sở hạ tầng của huyện là 3.004,63 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 2.652,45 ha, thấp hơn 352,18 ha, đạt 88,28 % so với chỉ tiêu đề ra. Đây là chỉ tiêu đạt tốt của huyện góp phần từng bước nâng cấp mạng lưới cơ sở hạ tầng của huyện.

i. Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện là 12,29 ha với mục đích đảm bảo vấn đề vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Kim Sơn và đây cũng là một chỉ tiêu quan trọng để các xã được công nhận chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên, theo đến cuối năm 2020, diện tích của loại đất này là 1,17 ha, đạt tỷ lệ thấp với 9,06% quy hoạch đặt ra.

j. Đất ở nông thôn:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất ở nông thôn của

huyện Kim Sơn là 1.142,98 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 968,12 ha, thấp hơn 174,86 ha, đạt 84,70 % so với chỉ tiêu đề ra.

k. Đất ở đô thị:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất ở đô thị của huyện là 79,80 ha. Trong khi đó, diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 61,75 ha, thấp hơn 18,05 ha, đạt 77,38 % so với chỉ tiêu đề ra.

l. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất trụ sở cơ quan của huyện là 27,76 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 21,99 ha, thấp hơn 5,77 ha, đạt 79,21% so với chỉ tiêu đề ra.

m. Đất cơ sở tôn giáo:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện là 77,34 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 67,68 ha, thấp hơn 9,66 ha, đạt 87,51 % so với chỉ tiêu đề ra.

n. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa của huyện là 322,23 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 316,48 ha, thấp hơn 5,75 ha, đạt 98,22 % so với chỉ tiêu đề ra.

o. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng của huyện là 52,27 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 50,49 ha, thấp hơn 1,78 ha, đạt 96,59 % so với chỉ tiêu đề ra.

p. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện là 39,55 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 0,00 ha, không đạt chỉ tiêu đề ra.

q. Đất khu vui chơi, giải trí:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất tín ngưỡng của huyện là 6,16 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 0,90 ha, thấp hơn 5,26 ha so với chỉ tiêu đề ra.

r. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất tín ngưỡng của huyện là 20,98 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 20,72 ha, thấp hơn 0,26, gần đạt mục tiêu đề ra với tỷ lệ là 98,76%.

s. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất sông ngòi của huyện là 1.413,87 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 1.448,39 ha, cao hơn 34,52 ha, đạt 102,44 % vượt chỉ tiêu đề ra.

t. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020 của huyện là 48,30 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 0,00 ha, không đạt kế hoạch so với chỉ tiêu đề ra.

u. Đất phi nông nghiệp khác:

Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp khác của huyện là 0,04 ha. Diện tích thực hiện đến hết năm 2020 là 0,04 ha, hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

4.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất 2011-2020 của huyện được phê duyệt, diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn lại là 407,79 ha. Tuy nhiên, diện tích chưa sử dụng đến hết 2020 lên đến 1.788,99 ha, cao hơn 1.381,20 ha so với chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân là do thay đổi phương pháp kiểm kê đất đai trong giai đoạn 2010 và 2020.

3.2. Những tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 của huyện Kim Sơn còn một số tồn tại nhất định do một số nguyên nhân sau:

- Do huyện chưa hoàn thiện công việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, hệ thống thông tin trong quá trình sử dụng đất còn tồn tại điều này đã làm ảnh hưởng nhiều đến kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trong những năm trước.

- Thiếu nguồn vốn đầu tư được xem là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước. Huyện đã có nhiều các chính sách thu hút đầu tư phù hợp để tạo điều kiện nâng cao tiềm lực kinh tế, sức đầu tư vào xây dựng các công trình trong kỳ kế hoạch, quy hoạch. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế nên tổng đầu tư của xã hội đều giảm dẫn đến tiến độ xây dựng các công trình trên địa bàn huyện còn chậm.

- Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất của một số ngành chưa thật phù hợp với thực tiễn của địa phương cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Những dự báo được tính toán từ những năm 2010 nhiều chỉ tiêu không sát với thực tế năm 2020, như giá cả, thị trường bất động sản.

- Công tác quản lý việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa

có sự thống nhất cao của các ngành, lĩnh vực cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án trong kỳ quy hoạch trước của huyện.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... dẫn đến không đạt chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều hạn chế nên vẫn nảy sinh tình trạng người sử dụng đất tự ý thay đổi mục đích sử dụng đất mà không xin phép.

- Ý thức chấp hành của người sử dụng đất trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa cao. Một số công trình chậm thực hiện được do công tác giải phóng mặt bằng gặp khó khăn khi người sử dụng đất cản trở, không chấp hành việc trả lại mặt bằng để thi công công trình.

- Tình trạng chồng chéo, không thống nhất giữa các quy hoạch, kế hoạch. Một số tiêu chí giữa các quy hoạch ngành không thống nhất với nhau nên khi thực hiện gây nhiều khó khăn.

- Những năm trước việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chưa thực sự qui củ, dẫn đến việc còn lơ là và hình thức trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Từ năm 2014 việc xây dựng kế hoạch được thực hiện qui củ dẫn đến việc thực hiện quy hoạch tốt hơn.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ thực tiễn thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 rút ra các bài học sau để thực hiện quy hoạch sử dụng đất cho giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện Kim Sơn:

- Công tác lập quy hoạch sử dụng đất: phải được tiến hành đúng quy trình, chi tiết tới cấp xã. Không được để sót công trình, vì khi chỉ đạo công việc phát sinh một số công trình cấp cơ sở không có trong quy hoạch sử dụng đất, như vậy không thực hiện được.

- Công tác công bố quy hoạch, công khai quy hoạch phải được thực hiện tốt từ cấp cơ sở. Khi đó mọi người sử dụng đất sẽ thấy rõ được trách nhiệm, quyền lợi của việc tốt chức thực hiện các công trình theo quy hoạch.

- Tuyên truyền vận động người dân tham gia lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện quy hoạch nhiều người dân chưa biết về quy hoạch sử dụng đất, hoặc chưa tham gia tích cực. Phải tạo ra

được các phong trào thi đua thực hiện quy hoạch như thi qua thực hiện chương trình nông thôn mới tạo ra khí thế, tinh thần trong thực hiện các công trình quy hoạch.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện. Đây chính là các điều kiện tạo ra sức hút đầu tư, tạo nguồn vốn cho sản xuất.

- Tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách, đặc biệt là từ tham gia đóng góp của người dân. Như tham gia đóng góp tiền, hiến đất vào xây dựng đường, công trình văn hoá, trường học...

- Tăng cường đầu tư hỗ trợ cho người sử dụng đất về khoa học kỹ thuật, thị trường sản phẩm nhất là trong nông nghiệp. Trong thời gian vừa qua có nhiều diện tích đất nông nghiệp đã chuyển đổi như sang trồng rau màu hàng hoá, nuôi cá, chăn nuôi tập trung đã mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, vấn đề khoa học kỹ thuật, thị trường cho sản phẩm chưa ổn định với người dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác sử dụng đất theo đúng quy hoạch. Tuyên truyền vận động người dân sử dụng đất theo đúng pháp luật và đúng quy hoạch.

Phần III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Quan điểm sử dụng đất

- Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không gì thay thế được. Việc sử dụng đất đai phải dựa trên quan điểm chung là: Sử dụng đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm, theo quy hoạch và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, kết hợp với bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái;

- Phát triển kinh tế xã hội của huyện phải gắn liền với sự phát triển kinh tế của toàn tỉnh dựa trên nền tảng tiềm năng đất đai;

- Phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh dịch vụ và công nghiệp, phát triển các ngành, lĩnh vực mà huyện có lợi thế; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá;

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài huyện, đặc biệt là đầu tư nước ngoài;

- Gắn liền tăng trưởng kinh tế tốc độ cao với tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo. Nâng cao mức sống và phúc lợi xã hội cho nhân dân, giảm dần sự chênh lệch mức sống giữa thị trấn, các xã trong huyện;

- Phát triển bền vững trên cơ sở bảo vệ và làm giàu tài nguyên đất, nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp với bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội;

Trên cơ sở đó, công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Kim Sơn cần phải bám sát và đáp ứng yêu cầu các quan điểm trên, quỹ đất của huyện cần được khai thác một cách hợp lý, hiệu quả, bền vững về cả 3 mặt Kinh tế – xã hội – môi trường.

2. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

** Đối với khu vực chuyên trồng lúa nước:*

- Các khu vực chuyên trồng lúa nước cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Việc sử dụng đất lấy vào loại đất này cần được hạn chế. Có biện pháp để bảo vệ quỹ đất và mở rộng quy mô diện tích.

** Đối với khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm:*

Cần mở rộng các khu vực này với những loại cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế

cao, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường để đưa vào phát triển.

*** Đối với khu vực rừng phòng hộ:**

Cần bảo vệ nghiêm các khu rừng phòng hộ bởi diện tích này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái. Khoanh vùng bảo vệ theo đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Khi sử dụng đất liên quan đến các khu vực này cần tính toán các hiệu quả và tác động liên quan đến môi trường.

*** Đối với khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp:**

Định hướng sử dụng đất tại những khu vực này cần được tính toán để đảm bảo về giao thông, địa hình nhưng phải đảm bảo về môi trường sinh thái. Tránh việc sử dụng đất xây dựng khu, cụm công nghiệp lấy vào quỹ đất nông nghiệp đang sử dụng hiệu quả và quỹ đất dân đang định cư ổn định.

*** Đối với khu đô thị, thương mại - dịch vụ**

Định hướng sử dụng đất được ưu tiên khai thác hiệu quả sử dụng đất tối đa để phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân nhưng vẫn đề khai thác cần đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn**

Định hướng sử dụng đất tại khu vực này cần được mở rộng để phát triển kinh tế, xã hội nhưng vẫn đề môi trường cần được đảm bảo.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Kim Sơn được lập dựa trên nhu cầu sử dụng đất của:

- Bộ, Sở, ban ngành của tỉnh sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Phòng, ban của huyện;
- Nhu cầu của các xã, thị trấn trong huyện;
- Nhu cầu của hộ, gia đình cá nhân trên địa bàn huyện.

Theo phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Kim Sơn thì diện tích đất nông nghiệp của huyện là 11372,87ha chiếm 52,72% tổng diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp là 9067,84ha chiếm 42,04%, đất chưa sử dụng còn 1130,65ha chiếm 5,24%. Chi tiết các loại đất theo phương án quy hoạch như sau:

Bảng 3.1: Diện tích, cơ cấu các loại đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm 2030		Diện tích năm 2020 (ha)	So sánh 2030/2020
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(4) - (5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TN		21571.36	100.00	21571.36	
1	Đất nông nghiệp	NNP	11372.87	52.72	13875.57	-2502.70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5491.06	25.46	8202.38	-2711.32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	5489.30	25.45	8200.62	-2711.32
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	133.72	0.62	105.45	28.27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1268.71	5.88	1192.19	76.52
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	732.96	3.40	475.86	257.10
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3457.44	16.03	3899.01	-441.57
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	288.99	1.34	0.68	288.31
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9067.84	42.04	5906.80	3161.04
2.1	Đất quốc phòng	CQP	227.68	1.06	211.89	15.79
2.2	Đất an ninh	CAN	11.93	0.06	3.51	8.42
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	200.00	0.93		200.00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	338.15	1.57	33.52	304.63
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	164.76	0.76	30.48	134.28
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	397.00	1.84	17.13	379.87
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				

2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3733.57	17.31	2652.45	1081.12
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0.22	0.00		0.22
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16.73	0.08	1.17	15.56
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1793.20	8.31	968.12	825.08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	187.69	0.87	61.75	125.94
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	39.90	0.18	21.99	17.91
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.09	0.00	0.09	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	91.09	0.42	67.68	23.41
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	387.60	1.80	316.48	71.12
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	50.49	0.23	50.49	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8.34	0.04	0.90	7.44
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	23.72	0.11	20.72	3.00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1324.48	6.14	1448.39	-123.91
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	56.17	0.26		56.17
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	15.04	0.07	0.04	15.00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1130.65	5.24	1788.99	-658.34

Như vậy, đến năm 2030 các loại đất sẽ có biến động lớn về mặt diện tích do chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho nhu cầu sử dụng đất của các công trình, dự án.

- Đất nông nghiệp đến năm 2030 giảm 2502,7ha so với năm 2020, trong đó, loại đất giảm mạnh nhất là đất chuyên trồng lúa nước với mức giảm 2711,32 ha. Tiếp theo đó là đất nuôi trồng thủy sản với 441,57ha giảm.

- Đất phi nông nghiệp của huyện Kim Sơn đến năm 2030 tăng 3161,04 ha so với diện tích 5906,8ha năm 2020. Trong giai đoạn này, các loại đất phát triển hạ tầng, đất ở nông thôn, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất cụm công nghiệp và đất khu công nghiệp được ưu tiên phân bổ với quỹ đất rất lớn. Đây chính là điều kiện để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của huyện đến năm 2030. Chi tiết như sau:

+ Đất phát triển hạ tầng năm 2030 tăng 1081,12 ha so với năm 2020.

+ Đất ở tại nông thôn tăng từ 968,12ha năm 2020 lên 1793,2ha năm 2030.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2030 là 397ha, tăng 379,87ha so với năm 2020.

+ Đất cụm công nghiệp và đất khu công nghiệp lần lượt tăng 304,63ha và 200ha so với năm 2020.

- Đất chưa sử dụng của huyện Kim Sơn đến năm 2030 được đưa vào sử dụng là 658,34ha. Tuy nhiên, để sử dụng hiệu quả loại đất này trong giai đoạn quy hoạch cần có những biện pháp hợp lý cho từng khu vực trên địa bàn huyện.

Phần V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Cần khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các cơ sở công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan,... nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản về đất đai: đo đạc, đánh giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về đất đai; quản lý chặt chẽ đi đôi với sử dụng hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước trên địa bàn huyện để phát triển bền vững.

- Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả thông qua việc sử dụng hạn chế thuốc bảo vệ thực vật và phân bón đúng khuyến cáo;

- Cần phải có chính sách cải tạo đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng cho các mục đích khác để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường sinh thái;

- Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước;

- Bố trí đất cho các điểm công nghiệp phải có giải pháp kỹ thuật làm giảm thiểu tính độc hại của các chất thải, đồng thời có biện pháp thu gom, xử lý chất thải, nước thải, tránh gây ô nhiễm môi trường, phá hoại sự cân bằng môi trường sinh thái.

II. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

2.1.1. Về chính sách tài chính đất đai

Huyện Kim Sơn cần có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất, huyện cần đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các vùng miền; cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai và bất động sản nhằm ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.

2.1.2. Về quản lý sử dụng đất

+ Huyện Kim Sơn cần xây dựng các quy định pháp lý để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, vùng phát triển rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử văn hóa, khu du lịch.

+ Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa tỉnh và địa phương, trong từng ngành, từng cấp, trong từng cơ quan, đơn vị, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, phê duyệt.

2.1.3. Các chính sách đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chính sách đối với đất trồng lúa:

+ Chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa: khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích; hỗ trợ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản lúa và khâu tiêu thụ lúa. Cho phép chuyển đổi vùng nông nghiệp kém hiệu quả chuyển sang vùng chuyên trồng lúa chất lượng cao.

+ Xây dựng chế tài trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch sử dụng đất lúa, nhằm xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Chính sách bảo vệ và phát triển rừng:

+ Ưu tiên giao đất, giao và khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, hợp tác xã, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

+ Tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

2.1.4. Chính sách đất đai đối với phát triển công nghiệp

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các nhà đầu tư phát triển, kêu gọi đầu tư, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thu hút phát triển công nghiệp vào địa bàn huyện.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong việc quy hoạch đất hạ tầng phục vụ bảo vệ môi trường, đặc biệt là các khu vực phát triển công nghiệp, đô thị.

2.1.5. Chính sách thu hút đầu tư

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của nhân dân. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình nông dân.

- Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch; tăng cường thực hiện việc đấu giá đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất, khuyến khích đầu tư phát triển vào những lĩnh vực thế mạnh của tỉnh theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

2.2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

- Huyện cần xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất, xử dụng công nghệ thông tin ở địa phương.

2.3. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự

- Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành... Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương vào sản xuất. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Thâm canh tăng vụ cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Gắn sản xuất với công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I.KẾT LUẬN

1. Với vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp biển, có các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua, hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi, cảnh quan môi trường hấp dẫn, trong lành sẽ tạo điều kiện tốt cho huyện Kim Sơn phát triển kinh tế toàn diện, dễ dàng giao lưu với bên ngoài, tiếp thu nhanh tiến bộ xã hội, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế theo xu hướng mở rộng, đa dạng, trong đó có tiềm lực kinh tế biển.

2. Tính đến 31/12/2020, diện tích đất nông nghiệp của huyện là 13.875,57 ha, chiếm 64,32% trong tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp 5.906,80 ha, chiếm 27,38% trong tổng diện tích đất tự nhiên và đất chưa sử dụng là 1.788,99 ha, chiếm 8,29 % trong tổng diện tích đất tự nhiên.

4. Quy hoạch sử dụng đất huyện Kim Sơn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở thừa kế các kết quả quy hoạch kỳ trước; các công trình, dự án phát triển sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực được bổ sung,... và được xử lý cụ thể chi tiết trên thực địa và bản đồ của các cấp hành chính trên địa bàn huyện để bố trí mặt bằng cụ thể cho các nhu cầu sử dụng đất nên tính khả thi quy hoạch sử dụng đất tương đồng với các dự án đầu tư sử dụng đất.

5. Kết quả quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2030 như sau: Tổng diện tích tự nhiên là 21.571,36 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp là 11372,87 ha, chiếm 52,72% trong tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp 9067,84 ha, chiếm 42,04% trong tổng diện tích đất tự nhiên và đất chưa sử dụng là 1130,65 ha, chiếm 5,24 % trong tổng diện tích đất tự nhiên.

6. Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn điều chỉnh, huyện Kim Sơn đã bổ sung quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp, quy hoạch các công trình sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ được bố trí tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Đồng thời để góp phần đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao năng suất cây trồng, huyện đã đẩy mạnh đẩy mạnh công tác thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông, lâm, thủy sản toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

7. Đất phát triển hạ tầng như giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục... được UBND huyện quan tâm định hướng quy hoạch, xây dựng mới, cải tạo góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

8. Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được

cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, đề nghị:

1. Đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để phương án điều chỉnh quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực để thực hiện kế hoạch điều chỉnh đúng theo tiến độ.

2. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường; là cơ sở để UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở pháp lý để quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Kim Sơn có hiệu lực thực hiện.

3. Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án được thực hiện.

4. Đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để phương án được hoàn thành. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sớm xét duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Kim Sơn để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất trên địa bàn huyện ./.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU